

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/DS-PT
Ngày 27-8-2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Rết;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành;
Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Nhân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:
Bà Mã Quế Khanh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 60/2020/TLPT-DS ngày 17 tháng 6 năm 2020 về “tranh chấp hợp đồng góp hụi”.

Do Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 89/2020/QĐ-PT ngày 15 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị H, sinh năm 1973; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Q, sinh năm 1941; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng (Chết ngày 15-5-2019).

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn:

+ Ông Nguyễn Thanh L, sinh năm 1972; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Nguyễn Thị Bé C, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

+ Bà Nguyễn Thanh S, sinh năm 1982; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện hợp pháp của người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Bé C, Nguyễn Thanh S: Ông Nguyễn Minh H1,

sinh năm 1975; Địa chỉ cư trú: Ấp C, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng, theo văn bản ủy quyền ngày 07-7-2020. (Có mặt)

+ Ông Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1980; Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Hồng N), sinh năm 1969; Địa chỉ ĐKTT: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

+ Ông Nguyễn Thanh S2, sinh năm 1975; Địa chỉ ĐKTT: Ấp X, xã H, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt)

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Bà Lê Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-4-2019, nguyên đơn Bà Lê Thị H trình bày:

Ngày 08-02-2015 (âm lịch) bà có mở 01 dây hụi 5.000.000 đồng, có 19 phần, trong đó bị đơn bà Nguyễn Thị Q tham gia 01 phần và hốt lần thứ ba với số tiền bà đã giao là 45.900.000 đồng (bà Q ra 2.600.000 đồng, số tiền hốt 90.000.000 đồng, trừ đầu thảo 2.500.000 đồng, còn lại 87.000.000 đồng). Bà Q đóng hụi chết lại được 07 lần, nợ hụi chết lại 11 lần số tiền 55.000.000 đồng.

Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q trả tiền nợ hụi là 55.000.000 đồng.

Người kế thừa tố tụng của bị đơn là ông Nguyễn Thanh Đ, bà Nguyễn Thanh S, bà Nguyễn Thị Bé C, ông Nguyễn Thanh L trình bày:

Các ông bà là con ruột của bà Nguyễn Thị Q, việc mẹ các ông bà và bà H chơi hụi hay còn nợ bà H thì các ông bà không biết và xin từ chối tham gia tố tụng. Các con bà Q đều đã tách hộ riêng, ông Nguyễn Thanh Đ còn chung hộ khẩu với bà Q nhưng thường xuyên đi làm ăn xa không biết rõ việc chơi hụi giữa bà Q và bà H.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng quyết định như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q phải trả tiền hụi cho nguyên đơn với tổng số tiền là 55.000.000 đồng. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26-5-2020, nguyên đơn bà Lê Thị H nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm. Với các lý do: Đơn khởi kiện của bà đề ngày 11-4-2019 nhưng Bản án lại nhận định

ngày 11-4-2020 là không đúng. Ngày bà đi khởi kiện đến ngày bị đơn bà Q chết (ngày 17-6-2019) là hơn 02 tháng 06 ngày nhưng cấp sơ thẩm lại chỉ căn cứ vào giấy chứng tử do các con bà Q khai lùi ngày lại mà không xác minh địa phương cũng như lấy khai bà Q đúng thời gian luật định. Ông Nguyễn Thanh H3 và bà Nguyễn Thị Q có 06 người con địa chỉ ấp Xây Đá A nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác minh ở ấp Xây Đá B và đưa tham gia tố tụng chỉ 04 người là chưa chính xác. Bà mang danh sách hui đến nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không nhận.

Tại phiên tòa, nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện và vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Theo Trích lục khai tử số 44/2019/TLKT ngày 17-5-2019 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C thể hiện bà Nguyễn Thị Q chết ngày 15-5-2019. Ngày 01-10-2019, Tòa án nhân dân huyện C ban hành Thông báo số 23/TB-TA bổ sung các ông bà Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Bé C, Nguyễn Thanh S tham gia tố tụng với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn bà Q. Tuy nhiên, sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý xét xử phúc thẩm vụ án, qua trình bày của các đương sự cũng như qua xác minh địa phương nơi bà Q cư trú thể hiện sinh thời bà Q có chồng tên là Nguyễn Thanh H3 (chết năm 2013) và có 06 người con là Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Bé C, Nguyễn Thanh S và Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Hồng N), Nguyễn Thanh S2, ngoài ra bà Q không có con riêng hay con nuôi khác. Nhận thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chỉ yêu cầu đương sự cung cấp thông tin những người con còn chung sổ hộ khẩu với bà Q để đưa tham gia tố tụng như trên là chưa đầy đủ. Ngày 21-7-2020, Tòa án cấp phúc thẩm ban hành Thông báo số 1284/TB-TA bổ sung bà Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Hồng N) và ông Nguyễn Thanh S2 vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa tố tụng của bị đơn là các ông bà Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Bé C, Nguyễn Thanh S vắng mặt có người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có mặt; các ông bà Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Hồng N), Nguyễn Thanh S2 đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng nhưng vắng

mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử phúc thẩm quyết định vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về tính hợp lệ của đơn kháng cáo và phạm vi xét xử phúc thẩm: Xét đơn kháng cáo lập ngày 22-5-2020 của nguyên đơn bà H nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân huyện C ngày 26-5-2020 là hợp lệ, đúng quy định về người kháng cáo, thời hạn kháng cáo, hình thức, nội dung kháng cáo theo quy định tại các Điều 271, Điều 272, Điều 273 và Điều 276 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung của Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 12-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng.

[4] Xét kháng cáo của bà H, nhận thấy, bà khởi kiện bị đơn bà Nguyễn Thị Q yêu cầu trả nợ tiền hui là 55.000.000 đồng theo Tờ cam kết nhận tiền hui ghi người hót hui nhận tiền ký tên Nguyễn Thị Q (không có ngày tháng năm). Bà Q không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án và đã chết ngày 15-5-2019. Những người kế thừa của bà Q trình bày không biết về số tiền hui này và không đồng ý trả số tiền này cho nguyên đơn. Xét Tờ cam kết nhận tiền hui phía trên ghi “*Tôi đứng tên là Dung Chị Năm Thành*” nhưng phía dưới ghi “*Người hót hui nhận tiền ký tên Nguyễn Thị Quyên*”. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khi thì trình bày tham gia hui với bà Q, khi thì trình bày tham gia hui với bà Dung (con của bà Q) sau đó bà Dung nhường phần hui này lại cho bà Q hót là có mâu thuẫn, không xác định được người tham gia hui với nguyên đơn là bà Q hay bà Dung. Và nguyên đơn cũng không chứng minh được người tên “Dung Chị Năm Thành” có đúng là bà Nguyễn Thị Q hay là bà Nguyễn Thị Hồng N (tên gọi khác Nguyễn Hồng N, Dung). Bên cạnh đó, Tờ cam kết nhận tiền hui không ghi ngày tháng năm nên không đủ cơ sở chứng minh có đúng là cam kết cho đây hui ngày 08-02-2015 (âm lịch) như bà H trình bày hay không. Đồng thời, Tờ cam kết nhận tiền hui này do bà H giữ và đã có tẩy xóa số tiền hui, trong khi bà Q hiện đã chết, bà H không yêu cầu giám định và trong trường hợp có trưng cầu giám định được chữ ký tên ở mục “Người hót hui nhận tiền ký tên Nguyễn Thị Quyên” thì cũng không đủ cơ sở chứng minh để buộc bà Q có nghĩa vụ trả cho bà H số tiền nợ hui là 55.000.000 đồng. Nguyên đơn khởi kiện nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp “Tờ chơi hui mùa 3” không ghi đầy đủ họ tên của người tham gia hui và cũng không có chữ ký tên của người tham gia hui, theo nguyên đơn trình bày do bà đánh máy lại nên đây không được xác định là chứng cứ theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Ngoài ra, nguyên đơn cung cấp tờ tường trình của 03 người làm chứng là bà Loan, bà Hương, ông Phương nhưng cũng không xác định được bà Q hót được bao nhiêu tiền hui, đóng được bao nhiêu và nợ bao nhiêu tiền hui nên không được xác định là chứng cứ có giá trị chứng minh theo quy định tại Điều 93 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của người kế thừa tố tụng của bị đơn vẫn không thừa nhận bà Q có nợ hui 55.000.000 đồng như bà H yêu cầu. Nhận thấy, nguyên đơn

kháng cáo nhưng cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của bà là có căn cứ và hợp pháp nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận theo quy định Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Bên cạnh đó, nguyên đơn còn kháng cáo cho rằng đơn khởi kiện đề ngày 11-4-2019 nhưng Bản án sơ thẩm lại nhận định ngày 11-4-2020 là không đúng. Xét thấy, việc này là lỗi trong khâu đánh máy về số nên ngày 27-5-2020, Tòa án cấp sơ thẩm đã kịp thời ban hành Quyết định sửa chữa, bổ sung bản án sơ thẩm số 08/QĐ-SCBSBA, qua đó đã sửa chữa lỗi này là đúng theo quy định Điều 268 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[6] Đối với việc nguyên đơn cho rằng ngày bà đi khởi kiện là ngày 11-4-2019 đến ngày bị đơn chết (ngày 17-6-2019) là hơn 02 tháng 06 ngày nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại chỉ căn cứ vào giấy chứng tử do các con bị đơn khai lùi ngày lại mà không xác minh địa phương cũng như lấy khai bà Q đúng thời gian luật định. Nhận thấy, ngày 06-5-2019 Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án và đến ngày 13-5-2019 đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn - có người nhận tên Nguyễn Thanh S là con của bị đơn nhận thay và cam kết giao lại tận tay cho bị đơn (bút lục số 18) - là đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nhưng sau hơn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án bị đơn vẫn không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án theo quy định tại Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn còn cho rằng bị đơn chết ngày 17-6-2019 nhưng không có chứng cứ gì chứng minh, trong khi qua xác minh địa phương nơi bà Q cư trú và qua Trích lục khai tử số 44/2019/TLKT ngày 17-5-2019 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C thể hiện bà Nguyễn Thị Q chết ngày 15-5-2019. Tuy nhiên, qua trình bày của các đương sự cũng như qua xác minh địa phương nơi bà Q cư trú thể hiện sinh thời bà Q có 06 người con như đã phân tích ở mục [1] nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa tham gia tố tụng 04 người là thiếu sót và Tòa án cấp phúc thẩm bổ sung người kế thừa của bị đơn vào tham gia tố tụng theo quy định Điều 74 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, cần nêu rút kinh nghiệm cho Tòa án cấp sơ thẩm.

[7] Từ những phân tích như đã nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và hướng dẫn tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148, khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Lê Thị H.
2. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2020/DS-ST ngày 12 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Sóc Trăng đã quyết định như sau:

Áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị H về việc buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Q (chết ngày 15-5-2019 có người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là Nguyễn Thanh Đ, Nguyễn Thanh L, Nguyễn Thị Bé C, Nguyễn Thanh S, Nguyễn Thị Hồng N (Nguyễn Hồng N), Nguyễn Thanh S2) phải trả tiền hui cho nguyên đơn với tổng số tiền là 55.000.000 đồng (bằng chữ: Năm mươi lăm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 2.750.000 đồng (bằng chữ: hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng), được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.375.000 đồng theo biên lai thu số 0006833 ngày 11-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Nguyên đơn bà Lê Thị H còn phải nộp thêm số tiền án phí là 1.375.000 đồng (bằng chữ: Một triệu ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo bà Lê Thị H phải chịu là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005123 ngày 26-5-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Như vậy, bà H đã nộp xong tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Thái Rết

